

Số: 371/2019/QĐST-HNGĐ

Bình Chánh, ngày 25 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

– Bà **Trần Thị Mộng D**, sinh năm 1988

– Ông **Trần Anh H**, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số 77/49/9 tổ X, ấp Y, xã B, huyện B, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Mộng D và ông Trần Anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 019/2008, quyển số 02/2007 đăng ký ngày 28 tháng 01 năm 2008. Do đó, hôn nhân giữa bà D và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[2] Ngày 07 tháng 3 năm 2019, bà Trần Thị Mộng D và ông Trần Anh H nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

– Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng D và ông Trần Anh H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 019/2008, quyển số 02/2007 đăng ký ngày 28 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, TP. Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Mộng D và ông Trần Anh H không còn giá trị pháp lý.

– Về con chung:

Hai bên thỏa thuận giao các trẻ Trần Thanh Tú V (Giới tính: Nữ), sinh ngày 14/01/2008; Trần Thanh Diễm X1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 17/01/2009 và Trần Ngọc Ánh M (Giới tính: Nữ), sinh ngày 24/9/2016 cho ông Trần Anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị Mộng D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2019 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền cấp dưỡng tại cơ quan chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bà Trần Thị Mộng D chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì bà D còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Mộng D có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

– Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Hai bên thỏa thuận bà Trần Thị Mộng D chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0046381 ngày 20/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. B;
- UBND P.N, Q. G, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Tuấn Khương